TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 3 - 2025
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Bẩy

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chưởng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 563/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Văn T, sinh năm: 1989; Địa chỉ cư trú: Nhà không số, ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà Cao Bích H, sinh năm: 1980; Địa chỉ cư trú: Nhà không số, ấp G, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trần Văn T trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Ông và bà Cao Bích H tự nguyện kết hôn vào năm 2020, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2020. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả với nhau, hôn nhân không hạnh phúc, bà H đã về nhà cha mẹ ruột sống, vợ chồng đã sống ly thân với nhau, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông và bà H có 01 người con chung tên Trần Kim N, sinh ngày 03/8/2020, hiện nay đang sống cùng ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông xác định không nợ ai, không ai nợ ông, bà.

Ông T xin vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Cao Bích H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo cho bà đến Tòa án để tham gia các phiên họp, được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập, để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà H vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn.

Bị đơn bà Cao Bích H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bà H vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bà H.

[2] Hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên ông Trần Văn T yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Cao Bích H, Hội đồng xét xử xét thấy, ông T và bà H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông T cho rằng thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vả với nhau. Xét thấy, ông T và bà H xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, thực tế ông, bà đã sống ly thân với nhau, tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Đối với bà H không có ý kiến, nên không xem xét, giải quyết. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông T về việc ly hôn với bà H.

[3] Con chung: Ông T và bà H có 01 người con chung tên Trần Kim N, sinh ngày 03/8/2020. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N. Xét thấy, hiện nay cháu N đang sống ổn định với ông T, do ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà H không có ý kiến về con chung, nên không xem xét. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, không ảnh hưởng đến sinh hoạt, sự phát triển của con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, giao cháu N cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Tài sản chung: Ông T xác định để tự thỏa thuận, bà H không có ý kiến, nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Nợ chung: Ông T xác định ông, bà không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T, về việc yêu cầu ly hôn với bà Cao Bích H.

Con chung: Giao Trần Kim N, sinh ngày 03/8/2020, hiện đang sống cùng ông T cho ông T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng; Không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Ông Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng. Ngày 25/10/2024 ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0009551, được đối trừ, chuyển thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hân